

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST  
Ngày: 11-6-2024  
V/v tranh chấp  
dân sự đòi lại tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trương Thanh Quang.
- Bà Lê Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 54/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp dân sự đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt
- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt
- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1991; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày: Từ ngày 07 tháng 9 năm 2023 đến ngày 01 tháng 11 năm 2023, chị có cho Phan Văn T mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 330.000.000 đồng, khi cho mượn thì hai bên không có làm biên nhận, cho mượn tiền không tính lãi. Đến ngày 19 tháng 12 năm 2023, chị yêu cầu Phan Văn T viết biên nhận và cam kết trả nợ cho chị, T đồng ý viết biên nhận và cam kết trả cho chị mỗi ngày 2.000.000 đồng tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2023 đến khi hết nợ thì thôi. Kể từ ngày viết cam kết đến nay, T có trả số tiền gốc cho chị được 4 lần tổng số tiền là 13.000.000 đồng, sau đó thì ngưng luôn, không trả tiền gốc cho chị nữa. Nay chị yêu cầu Phan Văn T trả cho chị số tiền mượn còn nợ gốc là 317.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Phan Văn T trình bày: Nguyên trước đây anh và Nguyễn Thị Ái N (là con gái của bà Bùi Thị C) có tiền tới hôn nhân, nhưng do anh không có tiền nên có hỏi vay của bà Bùi Thị C vào ngày 13 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 50.000.000 đồng để mua vàng cưới, hẹn sau khi cưới rồi bán vàng trả lại. Sau đó vay thêm 20.000.000 đồng để đi tiền đồng. Khoảng hơn 01 tháng sau vay thêm 50.000.000 đồng. Lúc đầu không làm giấy tờ gì hết, sau đó vợ và mẹ vợ kêu ký giấy nợ, anh đồng ý góp mỗi ngày 2.000.000 đồng, góp được vài lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu vì mỗi lần đưa tiền cho vợ trả bà C nhưng khoảng hơn 10.000.000 đồng. Việc ghi giấy nợ không biết ai viết, vợ kêu anh ký thì anh ký. Hiện nay anh chỉ còn nợ bà C 107.000.000 đồng. Anh và Ái N không còn sống chung từ ngày 17 tháng 12 năm 2023 (âm lịch) cho đến nay.

Người làm chứng Nguyễn Thị Ái N trình bày: Chị là con ruột của bà Bùi Thị C, giữa chị và anh Phan Văn T có sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, ngày 16 tháng 6 năm 2023 (âm lịch) là cưới nhau. Việc mẹ chị có cho anh T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 330.000.000 đồng, nói vay để đi mua đất, lúc vay không có làm giấy tờ nhưng đến ngày 19 tháng 12 năm 2023, thì mẹ chị kêu anh T viết giấy nợ và cam kết trả nợ do mẹ chị thấy anh T không có mua đất mà chỉ lo ăn chơi. Khi làm giấy nợ là do chị viết, anh T đọc lại hơn 30 phút rồi mới ký tên, lúc ký tên hoàn toàn không bị ép buộc gì cả. Từ sau khi làm giấy nợ, anh T trả lắt nhắt được 13.000.000 đồng và còn nợ lại mẹ chị

317.000.000 đồng, sau đó thì trả tiền không đúng theo cam kết, nên mẹ chị mới kiện. Nay mẹ chị kiện anh T yêu cầu trả số nợ còn lại thì chị không có ý kiến gì, vì đây là khoản vay mượn giữa mẹ chị và anh T. Từ ngày 17 tháng 12 năm 2023 (âm lịch) thì chị và anh T không còn sống chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị C, buộc bị đơn anh Phan Văn T trả số tiền 317.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về việc đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Phan Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Phan Văn T có nợ tiền của chị Bùi Thị C, điều đó đã được thể hiện qua Giấy nhận nợ ngày 19 tháng 12 năm 2023 là anh T có mượn của chị C với số tiền là 300.000.000 đồng và cam kết trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, tuy anh T chỉ thừa nhận là có mượn 120.000.000 đồng nhưng anh T cũng thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ, Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp chứng cứ chứng minh việc ký tên không do anh tự nguyện mà bị ép buộc nhưng anh T không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, việc khởi kiện của chị C là có căn cứ, còn anh T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh T và chị C cũng thừa nhận là anh T có trả cho chị C được 13.000.000 đồng, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu tiền lãi: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị C, buộc anh Phan Văn T phải trả số tiền 317.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Bùi Thị C.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, anh Phan Văn T chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ; chị Bùi Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 91, 144, 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C, buộc anh Phan Văn T trả cho chị Bùi Thị C số tiền 317.000.000 đồng (ba trăm mười bảy triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Anh Phan Văn T phải chịu 15.850.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Bùi Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Bùi Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 7.925.000 đồng (bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004700 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lương Bằng**